

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2023

V/v tranh chấp ly hôn và giải quyết
việc nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái
2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Từng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ 17, ấp T, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ 17, ấp T, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Vào năm 1989 chị và anh Phạm Văn N tự nguyện quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên chị và anh N tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống chị và anh N có 03 người con chung tên Phạm Thuý K, sinh năm 1990; Phạm Vũ P, sinh ngày 22/9/1996; Phạm Hoàng V, sinh ngày 08/9/2011, hiện các cháu Thuý K và Vũ P đã trưởng thành còn cháu Hoàng V đang sống với chị T. Về tài sản chung thì tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T xác nhận thời gian đầu vợ chồng chị và anh N chung sống rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, anh N mỗi lần đi nhậu là về đánh chị T, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên chị và anh N đã ly thân từ đó cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Do chị và anh N không đăng ký kết hôn nên yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc nuôi con chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N có 03 người con chung tên Phạm Thuý K, sinh năm 1990; Phạm Vũ P, sinh ngày 22/9/1996; Phạm Hoàng V, sinh ngày 08/9/2011. Đối với cháu Phạm Hoàng V thì tùy theo nguyện vọng của cháu Vũ theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng, đối với cháu K, cháu P thì đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản tự khai đề ngày 15 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn N trình bày:

Vào năm 1989 anh và chị Lê Thị T tự nguyện quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên anh và chị T tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh và chị T có 03 người con chung tên Phạm Thuý K, sinh năm 1990; Phạm Vũ P, sinh ngày 22/9/1996; Phạm Hoàng V, sinh ngày 08/9/2011, hiện các cháu Thuý K và Vũ P đã trưởng thành, còn cháu Hoàng V đang sống với chị T. Về tài sản chung thì tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N xác nhận thời gian đầu vợ chồng anh và chị T chung sống rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn thì do anh N thường xuyên đi biển không có ở nhà khi về nhà thì nghe hàng xóm láng giềng nói lại là chị T thường đi nhậu cũng với người đàn ông khác, anh N có khuyên can chị T không đi nhậu nữa nhưng chị T không nghe, ngoài ra vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì trầm trọng để phải ly hôn với nhau.

Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh N thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Do anh và chị T không đăng ký kết hôn nên yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, tuy nhiên do anh N còn thương vợ thương con anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh N cũng đồng ý để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc nuôi con chung: Anh và chị T có 03 người con chung tên Phạm Thuý K, sinh năm 1990; Phạm Vũ P, sinh ngày 22/9/1996; Phạm Hoàng V, sinh ngày 08/9/2011. Đối với cháu Phạm Hoàng V thì tùy theo nguyện vọng của cháu V theo

ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng, đối với cháu K, cháu P thì đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm 4 khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H. Bị đơn anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N đều xác định anh chị chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng đến nay anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thì anh chị sống hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau nên đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị T và anh N từ năm 1989 đến nay là một thời gian dài nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này” thì Hội đồng xét xử nhận định mối quan hệ giữa anh chị là không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị T và anh N đều xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị có ba người con chung tên Phạm Thuý K, sinh năm 1990; Phạm Vũ P, sinh ngày 22/9/1996; Phạm Hoàng V, sinh ngày 08/9/2011; hiện cháu K và cháu P đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Phạm Hoàng V thì chị T và anh N cùng thống nhất theo nguyện vọng của cháu Vũ theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con, hơn nữa theo biên bản ghi nhận nguyện vọng của người con chưa thành niên khi cha, mẹ ly hôn ngày 26/6/2023 thì cháu Vũ có nguyện vọng sống cùng chị T, do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Vũ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Vũ đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

[4] Về cấp dưỡng: Tại phiên toà chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử chị T và anh N xác nhận về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này anh chị có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Căn cứ vào lời khai của chị T và anh N trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử thì anh chị đều xác nhận không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T là nguyên đơn nên chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N.

2. Về nuôi con chung:

Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N đều xác nhận hai người con chung tên Phạm Thuý K, sinh năm 1990; Phạm Vũ P, sinh ngày 22/9/1996 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao cháu Phạm Hoàng V, sinh ngày 08/9/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Vũ đủ 18 tuổi. Anh N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị T không yêu cầu anh Phạm Văn N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0009893

ngày 18 tháng 05 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang, như vậy chị T không phải nộp thêm.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã S;
- Lưu: hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Quyên

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Quyên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 19 tháng 7 năm 2023

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.

2.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 280/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thắm, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ 17, ấp Tà Lóc, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Văn Nguyên, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp Sua Đũa, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật: Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Thắm và anh Phạm Văn Nguyên.

2. Về nuôi con chung:

Chị Lê Thị Thắm và anh Phạm Văn Nguyên đều xác nhận hai người con chung tên Phạm Thuý Kiều, sinh năm 1990; Phạm Vũ Phương, sinh ngày 22/9/1996 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Giao cháu Phạm Hoàng Vũ, sinh ngày 08/9/2011 cho chị Lê Thị Thắm trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Phạm Hoàng Vũ). Anh Phạm Văn Nguyên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Thắm không yêu cầu anh Phạm Văn Nguyên cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

5. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thắm và anh Phạm Văn Nguyên xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về nợ chung: Chị Lê Thị Thắm và anh Phạm Văn Nguyên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Về án phí: Chị Lê Thị Thắm phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0009893 ngày 18 tháng 05 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, như vậy chị Thắm không phải nộp thêm.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 19 tháng 7 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Quyên

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Sơn Kiên;.
- Lưu: hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Quyên

